

Số: *104* /KH-UBND

Lục Ngạn, ngày *4* tháng *7* năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn huyện Lục Ngạn năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-SNN ngày 18/4/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Bắc Giang năm 2019.

UBND huyện Lục Ngạn xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi và đánh giá nước sạch nông thôn năm 2019, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác nước sạch nông thôn, thực hiện tốt mục tiêu cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.
- Làm cơ sở công nhận hoàn thành chỉ số 17.1 trong Bộ tiêu chí quốc gia thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

- Công tác điều tra, đánh giá phải trung thực, khách quan; tổng hợp số liệu phải đầy đủ, chính xác, khoa học theo các biểu mẫu quy định.
- Kết quả số liệu điều tra, đánh giá phải được lưu trữ ở từng cấp theo đúng quy định với nguyên tắc các số liệu, thông tin phải được chia sẻ kịp thời, rộng rãi phục vụ cho các tổ chức và cá nhân liên quan đến nước sạch nông thôn.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Triển khai thu thập, cập nhật thông tin Bộ chỉ số nhằm đánh giá hiện trạng về tình hình sử dụng nước sinh hoạt tại các hộ gia đình nông thôn, các công trình cấp nước tập trung thuộc các xã, thị trấn. Điều tra theo Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá nước sạch nông thôn ban hành tại Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, tập trung vào các nội dung chính sau:

1. Tập huấn nghiệp vụ công tác theo dõi và đánh giá

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện: triển khai tập huấn cho 100% cán bộ cấp xã, thôn/bản (mỗi xã 01 công tác viên trực tiếp làm công tác theo dõi - đánh giá Nước sạch nông thôn, mỗi thôn/bản 01 cán bộ điều tra).

2. Thu thập tổng hợp số liệu Bộ chỉ số

Tiến hành thu thập số liệu theo hệ thống các biểu mẫu riêng cho từng cấp (có biểu mẫu gửi kèm), cụ thể:

2.1. Cấp thôn/bản: Tiến hành thu thập số liệu về cấp nước hộ gia đình trong địa bàn thôn theo *biểu mẫu số 01* gửi về UBND xã.

2.2. Cấp xã: UBND xã kiểm tra, tổng hợp số liệu về cấp nước hộ gia đình của các thôn/bản từ biểu số 1 của cấp thôn/bản vào *biểu mẫu 02*; đồng thời thực hiện cập nhật mô hình quản lý, loại hình và hiệu quả sử dụng công trình cấp nước tập trung theo *biểu mẫu 05*. Số liệu điều tra cấp thôn, xã và tổng hợp gửi về Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.

2.3. Cấp huyện: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện kiểm tra số liệu điều tra, tổng hợp của cấp xã và tổng hợp số liệu về nước sạch nông thôn của huyện theo các *biểu mẫu 3; 5* và trực tiếp đánh giá mức độ bền vững của công trình CNTT vào *biểu số 6*.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí: Vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của nhà nước.

- Định mức chi: Áp dụng định mức chi phí cho các nội dung theo quy định của nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì giúp UBND huyện chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác theo dõi và đánh giá trên địa bàn huyện; tổng hợp kết quả báo cáo UBND huyện theo quy định.

Lập danh sách cộng tác viên nước sạch của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Tổ chức tập huấn cho cấp xã, thôn về việc triển khai thực hiện thông tin Bộ chỉ số. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các xã, thị trấn trong quá trình tổng hợp điều tra Bộ chỉ số.

2. Phòng Y tế: Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT trong việc triển khai thực hiện. Chỉ đạo các đơn vị chức năng trực thuộc phối hợp tham gia theo dõi, đánh giá nước sạch và VSMT NT trên địa bàn.

3. Các Phòng ban, cơ quan khác trực thuộc UBND huyện: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT tổ chức thực hiện công tác theo dõi và đánh giá nước sạch nông thôn.

4. UBND các xã, thị trấn: Phân công 01 cán bộ tổng hợp (là cộng tác viên cơ sở) chịu trách nhiệm:

- + Đôn đốc, giám sát các thôn, bản triển khai thực hiện Bộ tiêu chí.
- + Thu thập thông tin biểu 2; biểu 5 cấp xã.
- + Nhận báo cáo của các thôn, bản.

Gửi báo cáo kết quả về UBND huyện Lục Ngạn thôn qua Phòng Nông nghiệp và PTNT.

5. Cấp thôn, bản

UBND xã, thị trấn phân công mỗi thôn 01 cán bộ (có thể là Trưởng thôn, phó thôn) thực hiện thu thập, tổng hợp số liệu thôn, bản báo cáo UBND xã, thị trấn.

- Cán bộ được phân công tại thôn, bản thực hiện:

- + Thu thập số liệu vào biểu 01.
- + Gửi báo cáo biểu 01 (bản gốc) cho cán bộ tổng hợp của xã.

6. Tiến độ thông tin, báo cáo

- Cán bộ cấp thôn, bản: tiến hành điều tra, khảo sát, cập nhật và tổng hợp số liệu báo cáo cho UBND các xã, thị trấn *trước ngày 15/8/2019*.

- Cấp xã: Cán bộ kiểm tra, tổng hợp số liệu gửi về Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện *trước ngày 15/9/2019*.

- Cấp huyện: Kiểm tra, tổng hợp số liệu gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang (qua Trung tâm nước sạch hoạt và VSMT nông thôn) *trước 18/10/2019*.

Căn cứ Kế hoạch của UBND huyện, các ngành, các cấp triển khai thực hiện công tác theo dõi và đánh giá nước sạch nông thôn. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp, xem xét giải quyết./.

Nơi nhận: *ly*

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Trung tâm NS và VSMTNT (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị: Phòng Nông nghiệp và PTNT; Phòng Y tế (t/h);
- UBND các xã, thị trấn (T/h).
- LĐ VP, CVTH;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Êc Ba Thành

Biểu mẫu số 1: Cấp thôn

Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình năm 20.....

Thôn....., xã....., huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

STT	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo	Chất lượng nước sinh hoạt đang sử dụng		Nguồn cấp nước					
			Nước sạch *	Nước hợp vệ sinh **	Công trình CNTT ***	Công trình CNNL ****				
						Giếng đào	Giếng khoan	Ao hồ	Sông suối	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)
	Nguyễn Văn A	1		1			1			
	Nguyễn Văn B		1		1					
	Tổng cộng:									

Ghi chú:
 * Nước từ các nguồn CNTT/bơm dẫn hoặc nhỏ lẻ đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm nghiệm theo QCVN do BYT ban hành hoặc nước từ các nguồn CNNL đã được xử lý bằng công nghệ (máy lọc HGD), có kiểm định chất lượng nước đầu ra trong vòng 6 tháng đạt QCVN 02:2009/BYT; ** Nước HVS: bao gồm cả nước sạch.
 CNTT: *** Cấp nước tập trung; CNNL; **** Cấp nước nhỏ lẻ.
 - Các xã đánh số "1" vào cột thể hiện kết quả.

Người lập biểu

Biểu mẫu số 5: Cấp xã
Cập nhật mô hình quản lý, loại hình và hiệu quả sử dụng của công trình CNTT

STT	Công trình	Loại hình		Công suất **			Loại hình quản lý				
		Bơm dẫn	Tự chảy	Thiết kế	Sử dụng thực tế	Tỷ lệ % sử dụng thực tế/thiết kế	Cộng đồng	HTX	Đơn vị SNCT ***	Doanh nghiệp	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
Cộng tổng											

* Cấp xã cập nhật các công trình trong xã; cấp huyện cập nhật, tổng hợp các công trình trên địa bàn huyện (cả công trình liên xã), cấp tỉnh cập nhật, tổng hợp các công trình toàn tỉnh.

Số đầu nối/số hộ sử dụng theo thiết kế và số đầu nối sử dụng thực tế tại thời điểm đánh giá;*Sự nghiệp có thu

NGƯỜI TỔNG HỢP

TM UBND XÃ

Biểu mẫu số 5: Cấp huyện
Cập nhật mô hình quản lý, loại hình và hiệu quả sử dụng của công trình CNTT

STT	Công trình	Loại hình		Công suất **			Loại hình quản lý				
		Bơm dẫn	Tự chảy	Thiết kế	Sử dụng thực tế	Tỷ lệ % sử dụng thực tế/thiết kế	Cộng đồng	HTX	Đơn vị SNCT ** *	Doanh nghiệp	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
Cộng tổng											

* Cấp xã cập nhật các công trình trong xã; cấp huyện cập nhật, tổng hợp các công trình trên địa bàn huyện (cả công trình liên xã), cấp tỉnh cập nhật, tổng hợp các công trình toàn tỉnh.

Số đầu nôi/số hộ sử dụng theo thiết kế và số đầu nôi sử dụng thực tế tại thời điểm đánh giá;*Sự nghiệp có thu